

**CÔNG TY TNHH PHAN HOÀNG GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHAN HOÀNG GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502307784

**3. Ngày thành lập:** 19/05/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

131 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5224     |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                               | 5229     |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, inox;                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4662     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663     |
| 5.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                       | 4752     |
| 6.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                | 4753     |
| 7.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh, đồ dùng nhà bếp; | 4759     |
| 8.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: nSản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ và vật liệu khác;                                                                                                                                                                                                                                        | 3100     |
| 9.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4100     |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4311     |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4312     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                      | 4322                                                         |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt: thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, Hệ thống phòng cháy, chữa cháy; | 4329                                                         |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                       | 4330                                                         |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý mua bán hàng hóa;                                                                                                                                                                                      | 4610                                                         |
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                               | 4620                                                         |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:                                                                                                                                                                                                      | 4649                                                         |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                       | 4933                                                         |
| 20. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                | 9524                                                         |
| 21. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn trang trí nội thất (Không phải thiết kế);                                                                                                                                    | 7110(Chính)                                                  |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất;                                                                                                                                                                                      | 7410                                                         |
| 23. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                | 8121                                                         |
| 24. | Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.                    | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHAN Ý ĐẠT     | F100/7 Khu phố 2, Thị trấn Hòa Thành, Huyện Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam       | 500.000.000           | 50,000    | 290802736                                                                                                                                         |         |

|   |              |                                                                                            |             |        |           |  |
|---|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------|--|
| 2 | PHAN<br>DÚNG | F100/7 Khu phố 2,<br>Thị trấn Hòa Thành,<br>Huyện Hoà Thành,<br>Tỉnh Tây Ninh, Việt<br>Nam | 500.000.000 | 50,000 | 290886430 |  |
|---|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|-----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHAN Ý ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 290802736

Ngày cấp: 06/06/2001

Nơi cấp: Công an tỉnh Tây Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: F100/7 Khu phố 2, Thị trấn Hòa Thành, Huyện Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 34 Nguyễn Kim, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu